TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày: 14/5/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trường Sơn.

Ông Trần Quốc Hào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Đặng Chí Thiện - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2018/TLST-DS, ngày 03 tháng 12 năm 2018, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B**.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà C, đường Trần Hưng D, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, Tổng Giám đốc. Ủy quyền cho ông Nguyễn Thanh P, Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Trà Vinh, tham gia tố tụng theo quyết định số 6650/2017/QĐ-TGĐ, ngày 20/6/2017.

Ông Nguyễn Thanh P ủy quyền cho ông Châu Viễn T tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền số 318a/2018/QĐ-L.CNTV ngày 03/12/2018.

Địa chỉ trụ sở chi nhánh: Đường H, khóm C, phường D, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có mặt)

- Bị đơn: Bà **Phạm Thị Trúc N**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm J, Phường I, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời khai của ông Châu Viễn T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 30/10/2017, bà Phạm Thị Trúc N có ký hợp đồng tín dụng số HDTD86020171779 với Ngân hàng Thương mại cổ phần B - Chi nhánh Trà Vinh vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn 10%năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, phương thức cho vay từng lần, mục đích vay tiêu dùng (mua sắm đồ dùng gia đình), thời hạn vay 36 tháng, hình thức vay không có tài sản bảo đảm, trả nợ gốc và lãi hàng tháng trong 36 kỳ, tương đương 36 tháng. Từ ngày vay đến nay bà N đã trả cho ngân hàng được số tiền 16.164.666 đồng (trong đó trả gốc: 12.501.075 đồng, lãi: 3.663.591 đồng) thì ngưng không trả nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Châu Viễn T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị Trúc N có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 14/5/2019 là 42.534.929 đồng. Trong đó vốn gốc 37.498.925 đồng, lãi trong hạn 4.128.081 đồng, lãi quá hạn 907.923 đồng. Yêu cầu bà Phạm Thị Trúc N tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

Bị đơn bà Phạm Thị Trúc N vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Đối với người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và có mặt tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án. Riêng bị đơn bà Phạm Thị Trúc N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do.

2. Về nội dung vụ án: Ngày 30/10/2017 Ngân hàng Thương mại cổ phần B – Chi nhánh Trà Vinh có ký kết hợp đồng tín dụng số HDTD86020171779 với bà Phạm Thị Trúc N, số tiền cho vay là 50.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng vốn bà Phạm Thị Trúc N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi yêu cầu bà N thanh toán toàn bộ số tiền 42.534.929 đồng (vốn gốc 37.498.925 đồng, lãi trong hạn 4.128.081 đồng, lãi quá hạn 907.923 đồng) và lãi phát sinh đến khi bà Ngọc trả hết số tiền còn nợ là có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 466, Điều 468, Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Phạm Thị Trúc N có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số nợ gốc và nợ lãi.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Trúc N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Trúc N phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 14/5/2019 là 42.534.929 đồng. Trong đó vốn gốc 37.498.925 đồng, lãi trong hạn 4.128.081 đồng, lãi quá hạn 907.923 đồng. Yêu cầu bà Phạm Thị Trúc N tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay". Vụ án có bị đơn bà Phạm Thị Trúc N cư trú tại khóm J, phường I, thành phố T nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phạm Thị Trúc N, mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do. Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Trúc N là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Nội dung vụ án: Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Trúc N phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 14/5/2019 là là 42.534.929 đồng. Trong đó vốn gốc 37.498.925 đồng, lãi trong hạn 4.128.081 đồng, lãi quá hạn 907.923 đồng. Yêu cầu bà Phạm Thị Trúc N tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ cho ngân hàng.

[3] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số HDTD86020171779 ngày 30/10/2017 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 86020171779 ngày 30/10/2017 xác định bà Phạm Thị Trúc N có ký hợp đồng và vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 50.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền vay, lãi suất cho vay trong hạn 10%năm, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, mục đích vay tiêu dùng (mua sắm đồ dùng gia đình), thời hạn vay 36 tháng, hình thức vay không có tài sản bảo đảm, trả nợ gốc và lãi hàng tháng trong 36 kỳ, tương đương 36 tháng. Do bà Phạm Thị Trúc N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B theo thỏa thuận tại hợp đồng số HDTD86020171779 ngày 30/10/2017 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng Thương mại cổ phần B khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Trúc N phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 14/5/2019 là 42.534.929 đồng. Trong đó vốn gốc 37.498.925 đồng, lãi trong hạn 4.128.081 đồng, lãi quá hạn 907.923 đồng, và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả xong nợ, là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Phạm Thị Trúc N phải chịu toàn bộ án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B. Buộc bà Phạm Thị Trúc N có nghĩa vụ trả Ngân hàng Thương mại cổ phần B, người đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B Ông Nguyễn Thanh P - Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B Chi nhánh Trà Vinh tổng số tiền 42.534.929 đồng (trong đó gốc 37.498.925 đồng, lãi đến ngày 14/5/2019 là 5.036.004 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/5/2019) khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD86020171779 ngày 30/10/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sở thẩm:

Bà Phạm Thị Trúc N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.126.746 đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B, người đại diện của Ngân hàng Thương mại cổ phần B Ông Nguyễn Thanh P - Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần B Chi nhánh Trà Vinh số tiền tạm ứng án phí 968.000 đồng, tại biên lai thu số 0018922 ngày 29/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP. Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thảo Nguyên